

Bản án số: 202/2023/HC-PT

Ngày: 24-02-2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Bình

Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà
Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
36/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 3648/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9
năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2023/QĐ-PT
ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn M. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy
quyền lập ngày 20/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức) (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Lê Văn L – Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Lâm.

Địa chỉ: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt*)

2. *Người bị kiện:*

Chi cục Thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ Văn B.

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 20/02/2023) *(Vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Bà Phan Thị Kim D.

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Vũ Kiều O. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 09/11/2021 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức). *(Có mặt)*

3.2 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Cao Thị Phương L – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

Ông Phạm Thái H – Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

Địa chỉ liên lạc: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thanh T.

Địa chỉ liên lạc: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/02/2023). *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Văn M do ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Văn M có cha là ông Phạm Văn L (chết năm 2001) và mẹ là bà Nguyễn Thị B (chết năm 2007). Ông L và bà B có thừa đất tổng diện tích 2340m² tại số ấp A, xã A, huyện T. Năm 1999, ông L đã đăng ký kê khai nhà và đất đối với 2340m² là đất thổ cư. Từ năm 1976 ông M đã đăng ký thường trú

chung với cha mẹ tại địa chỉ số Lương Định Của. Đến năm 1991, khi ông M lập gia đình với bà Phạm Vũ Kiều O, ông L bà B đã cho ông M một phần nhà đất tại số đường Lương Định Của là nhà kho chứa lúa có diện tích ngang 6m, dài khoảng 30m mái tôn, vách tôn, nền xi măng cùng phần đất phía trước tại số đường Lương Định Của để sử dụng. Sau khi được cha mẹ cho nhà đất, ông M, bà O đã tiến hành cải tạo sửa chữa căn nhà, đến năm 2005 thì hoàn chỉnh thành căn nhà cấp 4 tường gạch, mái tôn, nền lát gạch hoa. Ngày 24/9/2018, ông M và bà O nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích đất 84,6m² thuộc thửa 68,69,70,87 tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại địa chỉ Lương Định Của, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24/7/2019 Chi cục Thuế Quận H (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) đã ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT (ông M không nhớ rõ ngày ông nhận được Thông báo) xác định hình thức sử dụng đất là *“Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc lấn chiếm hoặc được giao, cho thuê không đúng thẩm quyền từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014”* và Thông báo số tiền sử dụng đất phải nộp khi được cấp giấy chứng nhận cho ông M và bà O là 1.116.720.000 (một tỷ một trăm mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng. Ngày 21/8/2020 Chi cục Thuế Quận H ra Thông báo số 3420/TB-CCT về việc đính chính thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT đã đính chính lại hình thức sử dụng đất là: *“Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (Cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm pháp luật đất đai kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà nay được Nhà nước xét cấp giấy chứng nhận”*. Các nội dung khác của thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thuế Quận H vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

Căn cứ theo Bản án hành chính sơ thẩm số 842/2020/HC-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính phúc thẩm số 298/2021/HC-PT ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật đã xác định rõ nguồn gốc nhà đất của ông M, bà O xin cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc là loại thổ cư. Ngoài ra, ngày 02/6/2015 Ủy ban nhân dân (UBND) phường A cũng đã xác nhận tình trạng pháp lý nhà đất hiện nay được sử dụng từ trước năm 1975, được ông Phạm Văn L đăng ký kê khai toàn bộ diện tích đất 2340m² là thổ cư theo Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 01/8/1999 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Về tranh chấp: Hiện nay chưa có tranh chấp, về xử lý vi phạm: không có. Trước thời điểm ông M nộp Đơn xin cấp Giấy chứng nhận khoảng 01 năm (năm 2017), Chi cục Thuế Quận H có ban hành Thông báo nộp Thuế số 2289 ngày 24/7/2017

cho ông M. Tại Thông báo nộp thuế lần 1 năm 2017 có nội dung loại đất *đất ở đô thị*, số thuế sử dụng không đúng mục đích: 0. Như vậy đất của ông M ngay từ trước thời điểm xin cấp Giấy đã được cơ quan Thuế xác định là đất ở đô thị. Vì vậy, việc Chi cục thuế Quận H đã ban hành 02 Thông báo thuế trên có nội dung xác định hình thức sử dụng đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền do lấn chiếm hoặc vi phạm pháp luật đất đai từ 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 và thu tiền sử dụng đất để tính ra số tiền nộp thuế sử dụng đất đối với trường hợp nhà ông M, bà O bằng mức thu 100% tiền sử dụng đất là 1.116.720.000 (một tỉ một trăm mười sáu triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ Thông báo số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT ngày 24/7/2019 và Hủy bỏ Thông báo số 3420/TB-CCT về việc đính chính thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-Tk0012644/TB-CCT ngày 21/8/2020 của Chi cục Thuế Quận H. Yêu cầu Chi cục Thuế thành phố T và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai (CN VPĐKĐĐ) thành phố T xác định lại nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật. Ông M và bà O không phải nộp tiền thuế sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận.

Người bị kiện Chi cục Thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Hồ Văn B là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày:

Ngày 18/7/2019, Chi cục Thuế Quận H có nhận hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận của ông Phạm Văn M từ CN VPĐKĐĐ Quận H chuyển sang, hồ sơ gồm có:

-Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 4429/PCTĐC ngày 10/7/2019 (Phiếu chuyển số 4429/PCTĐC ngày 10/7/2019). Tại Mục II, Thông tin về đất và tài sản gắn liền với đất: Thông tin về đất: Thửa đất số: 528; tờ bản đồ số: 67. Địa chỉ: Lương Định Của, phường A, Quận H. Vị trí theo bản đồ: Lương Định Của đoạn từ Ngã tư Lương Định Của – Trần Nãi đến đường Nguyễn Thị Định. Diện tích thửa đất: 84,6m² (Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất là 84,6m², cấp giấy chứng nhận theo khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai” của Chính Phủ).

-Công văn số 781/UBND ngày 03/12/2018 của UBND phường A, Quận H về hoàn tất niêm yết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Xác định nguồn gốc nhà đất của ông M, bà O: “Đất có nguồn gốc do ông Phạm Văn L sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1999, trước năm 2000, ông L cho lại con là Phạm Văn M sử dụng. Khoảng từ năm 2005 đến năm 2007, ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị Kiều O xây dựng nhà để ở. Đến năm 2017, bị giải tỏa một phần nhà đất trong dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của và nút giao thông Trần Nãi – Lương Định Của, phần đất còn lại ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị Kiều O tiếp tục sử dụng đến nay.”

-Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, có xác nhận của UBND phường A ngày 03/12/2018 và CN VPĐKĐĐ Quận H ngày 10/7/2019.

-Đơn cam kết ngày 24/9/2018 của ông Phạm Văn M.

-Tờ khai nộp tiền sử dụng đất và tờ khai lệ phí trước bạ của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị Kiều O.

-Bản vẽ sơ đồ nhà đất được CN VPĐKĐĐ Quận H ký duyệt ngày 30/8/2018.

-Giấy chứng nhận số 404497 ngày 30/7/2019 do UBND Quận H cấp.

-Tại Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước” quy định: Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thu tiền sử dụng đất theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước “Sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định thu tiền sử dụng đất.” Bảng giá đất tính tiền sử dụng đất áp dụng theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019. Trong đó: Giá đất đường Lương Định Của, đoạn từ Ngã tư Trần Nãi–Lương Định Của đến Nguyễn Thị Định, Vị trí 1: 13.200.000đồng/m². Căn cứ vào hướng dẫn trên, ngày 24/7/2019 Chi cục Thuế Quận H đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT đối với trường hợp trên là đúng quy định. (Số tiền sử dụng đất ông Phạm Văn M phải nộp là: 84.6m² x 13.200.000 đồng/m² x 100% = 1.116.720.000 đồng). Tuy nhiên, do ứng dụng chương trình thuế nhà đất bị lỗi về vấn đề kỹ thuật nên ngày 21/8/2020, Chi cục Thuế Quận H đã ban hành Thông báo số 3420/TB-CCT về việc đính chính Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT. Nội dung đính chính: tại khoản 10 Mục I về hình thức sử dụng đất là: *“Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (Cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm pháp luật đất đai kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà nay được Nhà nước xét cấp giấy chứng nhận”*. Các nội dung khác của thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thuế Quận H vẫn giữ nguyên, không thay đổi. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông M, người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Vũ Kiều O do ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của người khởi kiện ông Phạm Văn M; đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh CN VPĐKĐĐ thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Thái H là Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày: Căn cứ công văn số 781/UBND ngày 03/12/2018 của UBND phường A về xác nhận nguồn gốc đất của ông Phạm Văn M – bà Phạm Thị Kiều O: Đất có nguồn gốc do ông Phạm Văn L sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1999, trước năm 2002, ông L cho lại con là ông M sử dụng, Khoảng năm 2005 đến năm 2007, ông M – bà Phạm Vũ Kiều O xây dựng nhà để ở. Đến năm 2017, bị giải tỏa một phần nhà đất trong dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của và nút giao thông Trần Nãi – Lương Định Của. Phần đất còn lại ông M – bà O tiếp tục sử dụng cho đến nay. Ngày 05/02/2018, ông M có Giấy đăng ký xây dựng, sửa chữa cải tạo công trình đối với phần diện tích nhà còn lại sau khi bàn giao mặt bằng trong dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của và nút giao thông Trần Nãi – Lương Định Của được UBND phường A ghi nhận và đề nghị ông M sửa chữa nhà như hiện trạng, không thay đổi kết cấu, diện tích nhưng ông M xây dựng lại toàn bộ căn nhà như hiện trạng đề nghị cấp giấy chứng nhận. Căn cứ xác nhận nguồn gốc của UBND phường A và đối chiếu quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, CN VPĐKĐĐ Quận H nhận thấy hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận do đó đề xuất Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Quận H cấp Giấy chứng nhận cho ông M, bà O.

Ngày 10/7/2019 CN VPĐKĐĐ Quận H có Phiếu chuyển số 4429/PCTĐC ngày 10/7/2019 chuyển Chi cục thuế Quận H xác định nghĩa vụ tài chính đối với nhà đất nêu trên cho ông M bà O theo khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lê Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

UBND phường A xác định không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông M đang được Tòa án thụ lý giải quyết, đề nghị Tòa án không xác định UBND phường A là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trường hợp Tòa án vẫn xác định UBND phường A là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì UBND phường A xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Chi cục Thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là bà Phan Thị Kim D trình bày:

Thông nhất nội dung trình bày của ông Hồ Văn B là người đại diện theo ủy quyền. Ngoài ra, tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất, hướng dẫn quy định Điều 10 về Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Văn phòng đăng ký đất đai, Điều 12 quy định về Trách nhiệm của cơ quan thuế, Điều 14 quy định về Thủ tục bàn giao, tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất giữa Văn phòng đăng ký đất đai và cơ quan thuế. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Người khởi kiện; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: CN VPĐKĐĐ thành phố T giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện ông Lê Văn L trình bày: Nguồn gốc đất của ông M và bà O, quá trình xin cấp Giấy chứng nhận và ban hành thông báo thuế của Chi cục Thuế Quận H trong vụ án đúng như trình bày của người đại diện ông Lê Văn T đã nêu. Chi cục Thuế Quận H đã dẫn chiếu các quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP “*Trường hợp lấn chiếm đất chưa sử dụng, hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép...*” là không đúng, thiếu căn cứ trong trường hợp của ông M vì đất ông M là do cha mẹ cho và đất đã được đăng ký là đất thổ, không lấn chiếm và không tự ý chuyển mục đích, không phải đất giao không đúng thẩm quyền như Điều 23 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP “*Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ...*”; hơn nữa, trên phần đất thổ được cha mẹ cho ông M đã có căn nhà kho, ông chỉ sửa chữa lại. Ngoài ra, căn cứ Điều 100 Luật Đất đai 2013, Bản án sơ thẩm số 842/2020/HC-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án phúc thẩm số 298/2021/HC-PT ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử hủy Quyết định bồi thường số 2120/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND Quận H xác định phần diện tích của ông M đang ở là đất thổ cư; khoản 1 Điều 6 của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 người sử dụng đất trong hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình cá nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Thông báo thuế số LTb1970103-TK0012644/TB-CCT ngày 24/7/2019 và Thông báo điều chỉnh số 3420/TB-CCT ngày 21/8/2020 của Chi cục Thuế Quận H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 3648/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện ông Phạm Văn M: Hủy Thông báo số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT ngày 24/7/2019, Thông báo số 3420/TB-CCT về việc đình chính thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-Tk0012644/TB-CCT ngày 21/8/2020 của Chi cục Thuế Quận H (nay là Chi cục Thuế thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Chi cục Thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố T thực hiện chức trách công vụ theo quy định pháp luật”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2022, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T nộp đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 3648/2022/HC-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

CN VPĐKĐĐ thành phố T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục Thuế thành phố T khẳng định Chi cục Thuế chỉ có căn cứ Phiếu chuyển số 4429/PCTĐC ngày 10/7/2019 để tính thuế, không có quyền, nghĩa vụ kiểm tra lại thông tin trên Phiếu chuyển số 4429/PCTĐC ngày 10/7/2019, chỉ yêu cầu CN VPĐKĐĐ điều chỉnh lại thông tin khi phát hiện có sai sót như ngày, tháng, năm, lỗi chính tả. Chi cục Thuế thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông M và bà O đề nghị y án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án xem xét hủy bỏ nội dung cập nhật “*Nợ tiền sử dụng đất là 1.116.720.000 (một tỉ một trăm mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT của Chi cục Thuế Quận H*” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 404497 (Số vào sổ cấp GCN CH07877) ngày 08/7/2019 cấp cho ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[3]. Về sự có mặt của đương sự.

Chi cục Thuế thành phố T, UBND phường A, thành phố T có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Về yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

[5]. Xét kháng cáo của đương sự.

[5.1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[5.1.1]. Về tư cách đương sự tham gia tố tụng.

-Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 “Về thành lập văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường” của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, quy định Chi nhánh VPĐKĐĐ là đơn vị trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, Chi nhánh được giao thực hiện 1 phần nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

-Khoản 4 Điều 10 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 quy định Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm:

“a) *Lập Phiếu chuyển thông tin (bao gồm cả trường hợp hồ sơ người sử dụng đất nộp trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai và hồ sơ do các cơ quan*

quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 2 Thông tư này chuyển đến)...”

Từ các cơ sở trên, chủ thể tham gia tố tụng phải là Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T là đương sự trong vụ án là không đúng.

[5.1.2]. Tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 09/5/2014 “Quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định:

“1. Việc ghi nợ, được miễn, được giảm nghĩa vụ tài chính được thể hiện tại điểm Ghi chú trên trang 2 của Giấy chứng nhận; việc chứng nhận xóa nợ nghĩa vụ tài chính được thể hiện tại mục "IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận" của Giấy chứng nhận.

Trường hợp việc ghi nợ, được miễn, được giảm nghĩa vụ tài chính không thể hiện được tại điểm Ghi chú thì thể hiện tại mục "IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận" của Giấy chứng nhận; Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày tháng năm, ký tên, đóng dấu và ghi họ tên và chức vụ của người ký vào cột "Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền".

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất Quận H đã ghi vào Phần IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN404497 (Số vào sổ cấp GCN CH07877) ngày 08/7/2019 do UBND Quận H cấp cho ông Phạm Văn M nội dung: “*Nợ tiền sử dụng đất là 1.116.720.000 (một tỉ một trăm mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT của Chi cục Thuế Quận H*”.

Tại phiên tòa, đại diện Người khởi kiện có yêu cầu Tòa án hủy bỏ nội dung cập nhật nói trên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 404497 (Số vào sổ cấp GCN CH07877) ngày 08/7/2019.

Xét thấy nội dung cập nhật nợ tiền sử dụng đất 1.116.720.000 đồng nói trên của CN VPĐKĐĐ thành phố T là căn cứ vào Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970103-TK0012644/TB-CCT, Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy các thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục Thuế nhưng chưa xem xét nội dung cập nhật trên là chưa đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện và triệt để.

[5.1.3]. Từ những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trên và có yêu cầu mới bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm nên cấp phúc thẩm cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại.

[5.2].Do hủy án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[6].Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án hành chính sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 3648/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại.

2.Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu số AA/2021/0028751 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND thành phố T, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên